

Giải pháp cho chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa của Việt Nam năm 2013

**PGS. TS. NGUYỄN THỊ NHUNG
& THS. PHAN DIỄN VỸ**

Đại học Ngân hàng TP. HCM

Bài viết phân tích bức tranh tổng thể của nền kinh tế VN năm 2012 với những thành tựu và khó khăn còn lại, kể cả những khó khăn trong điều hành, thực thi chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa; từ đó gợi ý một số nhóm giải pháp với mong muốn kinh tế VN sẽ có một bức tranh sống động hơn vào cuối năm 2013.

Từ khóa: Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, VN có khoảng 100 ngân hàng thương mại (NHTM) hoạt động phục vụ cho một nền kinh tế có GDP là 136 tỷ USD (năm 2012) có nghĩa bình quân mỗi ngân hàng chỉ phục vụ sản xuất ra hơn 1 tỷ USD/năm cho nền kinh tế. Theo kế hoạch trong năm 2013, tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu đã thông qua tại Quốc hội như phần đầu GDP tăng 5,5%. Kim ngạch xuất khẩu khoảng 10%, kim ngạch nhập khẩu tăng 8%, bội chi ngân sách không quá 4,8% GDP, tốc độ tăng giá tiêu dùng CPI khoảng 8%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 3% GDP, tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp thành thị không quá 4%. Phải làm gì để thực hiện được những chỉ tiêu trên trong tình hình nền kinh tế vĩ mô đang biến động không lường là những vấn đề cần xem xét ở nhiều phương diện khác nhau.

2. Thực trạng nền kinh tế VN

Trong bối cảnh hiện nay, VN đang gánh chịu ảnh hưởng gián tiếp khủng hoảng của hệ thống tài chính ngân hàng Mỹ lan rộng và những biến động phức tạp khó lường của nền kinh tế thế giới. Suy thoái kinh tế trong nước đang đặt ra nhiều bài toán cần phải được giải quyết đồng bộ mới hy vọng đưa nền kinh tế vượt qua những khó khăn. Thực tế, theo đánh giá chung nền kinh tế năm 2012, đang có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

2.1. Những điểm sáng của nền kinh tế VN 2012

- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát kiềm chế dự báo CPI năm 2012 ở mức 7,5%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 5,2%, đưa quy mô nền kinh tế đạt khoảng 136 tỷ USD, với thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 1.540 USD/người/năm.

- Bội chi ngân sách nhà nước năm 2012 đạt 4,8% GDP; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 29,2% GDP; tổng thu ngân

sách bằng 29,5% GDP; kim ngạch xuất khẩu năm 2012 tăng cao hơn kế hoạch, tăng 16,6%; kim ngạch nhập khẩu tăng 6,8%. Nhập siêu khoảng 1 tỷ USD, chiếm 0,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (việc giảm mạnh nhập khẩu, tăng xuất khẩu góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại tệ của Nhà nước).

- Tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, đạt trên 11 tuần nhập khẩu, Cán cân thanh toán ước thặng dư trên 8 tỷ USD...

- Lãi suất giảm, cơ cấu tín dụng chuyển biến theo hướng tăng tín dụng cho nông nghiệp, xuất khẩu doanh nghiệp nhỏ và vừa,

- An sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được bảo đảm, ước năm 2012 giải quyết việc làm cho 1,5 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở thành thị là 3,63%.

2.2. Những khó khăn đang gặp phải

- Một số mặt hạn chế chưa khắc phục được như nguy cơ tiềm ẩn lạm phát cao và bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn lớn, các chỉ tiêu phát triển



kinh tế không đạt kế hoạch đề ra, thị trường tiền tệ diễn biến phức tạp, nợ xấu cao, số doanh nghiệp giải thể vẫn ở mức cao, thị trường bất động sản và TTCK giảm mạnh, khả năng phục hồi không ổn định, đời sống người dân – nhất là người thu nhập thấp còn nhiều khó khăn.

- Tâm lý của người dân, doanh nghiệp đều trở về “thế co thủ”, mất lòng tin không dám đầu tư sản xuất kinh doanh; Hàng trăm ngàn doanh nghiệp mà đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đang bên bờ vực phá sản và giải thể; có thể nói các doanh nghiệp này đang “chết lâm sàng” và các hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình đốn nặng nề... Theo thống kê sơ bộ, có khoảng 50% doanh nghiệp phá sản và giải thể trong thời gian qua là những con số mà chúng ta cần suy ngẫm.

- “Bão giá” hàng hóa tiêu dùng, điện, nước sinh hoạt của người dân, xăng dầu... đang tăng ở mức chóng mặt so với nguồn thu nhập hiện tại của người dân giảm đi đáng kể so với những năm trước đây.

3. Những nét chính trong điều hành chính sách tiền tệ

Ngày 09/01/2013, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình hoạt động ngân hàng năm 2012 và triển khai

nhiệm vụ kế hoạch ngân hàng năm 2013. Theo số liệu mà NHNN cho biết:

- Đến cuối năm 2012, tổng phương tiện thanh toán tăng 22,4% so với cuối năm 2011, tuy cao hơn mức định hướng đề ra từ đầu năm nhưng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh - lãi suất huy động VND giảm 3 - 6%/năm, lãi suất cho vay giảm 5 - 9%/năm so với cuối năm 2011. Tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 8,91%. Trong đó, tín dụng VND tăng 11,51%, tín dụng bằng ngoại tệ giảm 1,56% so với cuối năm 2011, phù hợp với chủ trương hạn chế đô la hóa của Chính phủ. Tín dụng nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 8%, tín dụng xuất khẩu tăng khoảng 14%, tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng khoảng 6,15%. Dự nợ cho vay các lĩnh vực không khuyến khích giảm và chiếm tỷ trọng khoảng 4,4% so tổng dự nợ cho vay nền kinh tế. “Tín dụng mặc dù tăng trưởng thấp nhưng đã tăng dần trở lại qua các tháng; tỷ trọng dự nợ cho vay với lãi suất trên 15%/năm đã giảm mạnh từ mức 65,8% trước ngày 15/7/2012 xuống còn 19,2% vào cuối năm 2012. Các TCTD đã chủ động phối hợp với khách hàng

vay rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để tháo gỡ khó khăn trong việc trả nợ vốn vay phù hợp với chu kỳ sản xuất-kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án, phương án vay vốn, khả năng trả nợ của khách hàng”.

- Thực trạng, với 40 NHTM VN tính đến cuối năm 2012, có vốn điều lệ xấp xỉ 250 ngàn tỷ đồng tương đương 12 tỷ USD, tức là bằng quy mô trung bình của một ngân hàng khu vực châu Á. Với khoảng 100 NHTM hoạt động phục vụ cho nền kinh tế có GDP năm 2012 là 136 tỷ USD, thì thấy rằng hệ thống NHTM VN có quá nhiều ngân hàng đang hoạt động nhưng quy mô vốn quá nhỏ, cần phải tái cấu trúc cả về số lượng và chất lượng ngân hàng để phục vụ nền kinh tế.

- Theo khẳng định từ NHNN, hiện nay thanh khoản bằng VND của hệ thống các TCTD được cải thiện, nguy cơ đổ vỡ hàng loạt từ cuối năm ngoái đã được đẩy lùi, các TCTD đã thực sự quan tâm hơn trong việc quản trị rủi ro thanh khoản, đảm bảo an toàn hệ thống. Điều này được thể hiện qua số dư tiền gửi của TCTD tại NHNN luôn cao hơn so với yêu cầu dự trữ bắt buộc; Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng giảm 10-11%/năm so với đầu năm và ổn định ở mức thấp, không còn tình trạng căng thẳng về thanh khoản, đẩy lãi suất lên cao như trong năm 2011. Cùng với đó, các TCTD đã mua một lượng lớn trái phiếu chính phủ để cơ cấu lại danh mục đầu tư và dự phòng thanh khoản; hoạt động của các TCTD về cơ bản an toàn, lành mạnh, trật tự kỷ cương thị trường đã được khôi phục và tiếp tục được duy trì ổn định.

Bên cạnh những gam màu sáng

này thì chính sách tiền tệ cũng còn nhiều vấn đề cần bàn, đó là:

- Sự mất cân đối thể hiện ở tăng trưởng tín dụng quá nhanh trong những năm trước đây, doanh nghiệp dễ dàng sử dụng tiền vay đầu tư sai mục đích, việc quản lý các dòng tiền ra vào còn nhiều hạn chế đã dẫn đến là tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại đang ở mức trên 10% tổng dư nợ # 250.000 tỷ đồng. Theo đánh giá của Fitch tỷ lệ này dao động từ 15-16%.

- Chính sách quản lý, thanh tra ngân hàng tỏ ra chưa sát với thực tế, chưa thực sự giám sát được việc thực thi hoạt động kinh doanh của các NHTM; cụ thể như lãi suất huy động vốn trong thời gian qua: nhiều ngân hàng chấp nhận trả lãi suất tăng thêm từ 3-6% so với khung NHNN quy định lãi suất huy động năm; việc chấp hành tỷ lệ an toàn vốn rất thấp, ít có tính tự giác đã làm cho một số ngân hàng vẫn trong tình trạng thiếu khả năng thanh khoản.

- Quy luật kinh tế thị trường không được NHNN áp dụng một cách triệt để với những ngân hàng yếu kém, mất thanh khoản, cho vay vượt tỷ lệ quy định... trong lộ trình sáp nhập, hợp nhất và mua lại ngân hàng; chưa xem việc phá sản ngân hàng là việc làm bình thường của doanh nghiệp tuân thủ quy luật vận động và phát triển, vì vậy nhất thiết cần tái cấu trúc lại hệ thống NHTM theo hướng thị trường.

- Mặt khác, độ trễ của chính sách tiền tệ tín dụng ngân hàng khi áp dụng vào quản lý nền kinh tế VN đã tạo ra những bất cập thiếu linh hoạt, giạt cấp không đồng bộ trong việc phối kết hợp giữa các Bộ ngành, cơ quan Trung ương với địa phương cho việc áp dụng và

thực thi chính sách, còn mang nặng cơ chế xin cho và đan xen những nhóm lợi ích thao túng thị trường như vụ “thâu tóm Sacombank” và sở hữu chéo vốn cổ phần ngân hàng làm suy yếu khả năng cạnh tranh của các ngân hàng này, sử dụng vốn của ngân hàng để tập trung đầu tư vào các khu đất vàng giữa thành phố Hà Nội, TP.HCM, các thành phố lớn khác... cũng như tham gia sở hữu ngân hàng để dành ưu đãi vốn đầu tư cho những công ty con, công ty “sân sau” làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính sách tín dụng của ngân hàng phục vụ đối với nền kinh tế.

4. ĐIỂM LẠI NHỮNG KHÓ KHĂN NỔI CỘM TRONG CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Nền kinh tế VN đang mất cân đối nghiêm trọng, sự mất cân đối này bắt nguồn từ việc tập trung tăng trưởng theo chiều rộng, dựa quá nhiều vào vốn đầu tư, trong khi hiệu quả sử dụng vốn lại thấp... mô hình các tập đoàn tổng công ty nhà nước hoạt động chưa đúng tầm chiến lược quốc gia và vị trí trong nền kinh tế- xã hội, nhiều doanh nghiệp đang nợ thuế rất lớn như: Vinashin,... điển hình là tập đoàn Dầu khí VN nợ thuế khoảng trên 21.000 tỷ đồng. Mặt khác, tỷ lệ nợ công VN được coi là vẫn nằm trong tầm kiểm soát, nhưng đã trở nên cao hơn nhiều so với tỷ lệ phổ biến 30-40% ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi khác. Nợ công tăng nhanh trong bối cảnh thâm hụt ngân sách tăng cao và kéo dài đã đe dọa tính bền vững trong quản lý nợ công (năm 2011, VN đã bố trí 85.000 tỷ đồng để trả nợ so với 590.000 tỷ đồng thu ngân sách, tỷ lệ gần 15%). Theo cơ quan nghiên cứu kinh tế quốc gia Mỹ (NBER, 2010) thực hiện khảo sát trên 44 quốc gia cho thấy tỷ lệ

này vượt mức 90% thì nó có tác động xấu đến tăng trưởng GDP và làm giảm đi 4% trong tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Hiện nay nợ công của VN xấp xỉ 64% GDP sẽ làm suy giảm hơn 2% trong tăng trưởng GDP/năm của quốc gia. Vì thế, trong tình trạng này càng thúc đẩy tăng trưởng thì mất cân đối càng nghiêm trọng, việc đầu tư dàn trải đó đang tạo ra một nền kinh tế lệch pha là nguyên nhân chính khiến xếp hạng tín nhiệm quốc gia của VN bị giảm sút.

5. Một số nhóm giải pháp

Các chỉ tiêu phấn đấu đã thông qua tại Quốc hội như: GDP tăng 5,5%, kim ngạch xuất khẩu khoảng 10%, kim ngạch nhập khẩu tăng 8%, bội chi ngân sách không quá 4,8% GDP, tốc độ tăng giá tiêu dùng CPI khoảng 8%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 3% GDP, tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp thành thị không quá 4%. Để thực hiện được những chỉ tiêu trên trong tình hình nền kinh tế vĩ mô đang biến động khôn lường, việc lựa chọn chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa của VN sẽ phải được tiếp tục chú trọng ở một số nội dung sau:

5.1. Kiến nghị Chính phủ

Thứ nhất, cần phải thay đổi tư duy điều hành kinh tế: Tái cấu trúc nền kinh tế bắt đầu từ các tổng công ty nhà nước, kiên quyết cắt bỏ những vôi bạch tuộc và loại bỏ những công ty con, sân sau của các lãnh đạo tập đoàn; xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế của nhà nước với một số ngành kinh tế chủ đạo và an ninh quốc phòng của quốc gia, các tổng công ty còn lại triển khai triệt để cổ phần hóa để tập trung vốn cho Chính phủ hoạch định những chiến lược kinh tế trọng yếu và lâu dài. Bởi vì, các tập

đoàn và các tổng công ty nhà nước sử dụng nhiều tiền vốn, đất đai, tài nguyên, nhưng lại tạo ra một tổng sản phẩm thấp và trong đó có một số tập đoàn và DNNN kém hiệu quả đến mức bị thua lỗ nặng, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều người lao động và an sinh xã hội. Vì vậy, trong thời gian tới, tái cấu trúc nền kinh tế VN bao gồm cả việc cải cách mạnh mẽ hệ thống DNNN, cổ phần hóa, đặt DNNN dưới sự kiểm tra, kiểm soát và công khai minh bạch để nâng cao hiệu quả nguồn vốn của các doanh nghiệp.

Thứ hai, lựa chọn những công nghệ mới về ngân hàng và quản trị tài chính quốc gia phù hợp với xu hướng phát triển nhảy vọt của khoa học và công nghệ để đột phá giai đoạn là động lực chủ yếu, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu thị trường toàn cầu, cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các nước. Tiếp nhận quá trình này một cách tự nhiên, hoặc chủ động lựa chọn là tùy theo năng lực cảm nhận của Chính phủ và năng lực nội sinh của nền kinh tế quốc gia.

Thứ ba, cải cách hệ thống tài chính ngân hàng là điểm gút cuối cùng trong toàn bộ tái cấu trúc nền kinh tế vĩ mô có biến động, bởi vì hiện nay, hệ thống ngân hàng phát triển không cân đối, số NHTM và đặc biệt là NHTM cổ phần quá lớn, các tổ chức tài chính quá nhiều, chồng chéo và các quy định pháp pháp điều chỉnh cho các tổ chức này còn chưa đồng bộ cũng như hiệu quả điều chỉnh chưa sát thực tế có thể gây bất ổn cho kinh tế - xã hội nếu không có sự quản lý chặt chẽ ngay từ bây giờ.

5.2. Nhóm giải pháp thuộc chính sách tiền tệ

Thứ nhất, thực hiện chính sách duy trì kiểm soát lạm phát nhưng

phải đảm bảo cho tăng trưởng kinh tế bền vững lâu dài, tục ngữ VN mà ông cha ta có nói “làm mười năm không bằng phá một giờ”, thông qua xây dựng chính sách giảm lãi suất huy động và cho vay trên thị trường ngân hàng VN cũng như giảm thiểu nguy cơ bất ổn hệ thống ngân hàng; gia tăng các hoạt động bảo lãnh đối với các DNNVV nhất là các doanh nghiệp có tín nhiệm, có dự án khả thi có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao;

Thứ hai, tăng cường các biện pháp chế tài phạt tài chính nghiêm khắc đủ sức răn đe những vi phạm quản lý hệ thống ngân hàng thông qua công cụ dự trữ bắt buộc, tỷ lệ an toàn vốn, giới hạn tỷ lệ cho vay theo quy mô của từng ngân hàng, đồng thời mở rộng quy mô tăng trưởng tín dụng cho vay mua nhà trả góp với thời hạn 10 - 20 năm đối với cán bộ công nhân viên, lực lượng vũ trang có thu nhập ổn định để góp phần giảm tải thị trường bất động sản nhà chung cư; sáp nhập hoặc giải thể ngân hàng yếu kém về quản trị điều hành, mất thanh khoản, mất vốn trầm trọng, để hướng hoạt động ngân hàng vào kinh doanh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phục vụ tốt cho kinh tế - xã hội và mang lại hiệu quả cao cho nền kinh tế.

Thứ ba, cần coi trọng và phát triển các công cụ cảnh báo sớm, chuẩn hóa các dữ liệu thông tin của doanh nghiệp, ngân hàng; xây dựng mối liên kết giữa cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp với CIC ngân hàng, dự báo và phản biện chính sách kinh tế trước các biến động nhanh của thị trường, xây dựng những kịch bản chủ động ngăn chặn các nguy cơ bất ổn tiềm ẩn lợi ích cục bộ trong hệ thống ngân hàng, cần minh bạch thông tin tài

chính ngân hàng về hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng để góp phần lành mạnh hóa thị trường tài chính ngân hàng.

5.3. Nhóm giải pháp thuộc chính sách tài khóa

Thứ nhất, vấn đề tái cấu trúc DNNN với sự quyết liệt hơn của Chính phủ về các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phải tập trung vốn đầu tư vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư ngoài ngành, nhất là các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản; việc trước đây đã đầu tư phải triệt để có lộ trình thoái vốn và được Chính phủ phê duyệt để thực hiện.

Thứ hai, các Bộ quản lý ngành có phương án xử lý kiên quyết, dứt điểm đối với các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ kéo dài; đề xuất mô hình quản lý các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phù hợp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường công tác giám sát đánh giá đầu tư; kịp thời phát hiện những sai phạm và có biện pháp xử lý nghiêm minh nhằm ngăn chặn tình trạng thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng, loại bỏ những dự án đầu tư kém hiệu quả, đầu tư dàn trải kéo dài gây lãng phí của cải xã hội. Bên cạnh đó, cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn đầu tư từ ngân sách. Nghiên cứu lại việc lựa chọn, phân bổ và sử dụng nguồn lực theo hướng nguồn lực cần phải được phân bổ đến những ngành có độ lan tỏa lớn, có giá trị gia tăng cao và bố trí nhân sự phải phù hợp quy mô với khả năng quản trị điều hành doanh nghiệp.

Thứ ba, đối với vấn đề bội chi ngân sách, Chính phủ cần xác định rõ lộ trình và giải pháp cho việc

giảm bội chi và tiến tới cân đối ngân sách một cách tích cực. Cần cải cách lại cơ chế cấp phát ngân sách và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi nhằm đảm bảo chi ngân sách có hiệu quả. Chi ngân sách cần gắn liền với công khai, minh bạch và dân chủ. Xây dựng và áp dụng cơ chế thưởng phạt cũng như xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý, điều hành ngân sách nhà nước.

Thứ tư, đối với vấn đề kiểm soát nhập siêu, cần đặt trong tổng thể của tất cả các chính sách từ chính sách tài khóa, tiền tệ đến chính sách tỷ giá, từ việc chuyển đổi cơ cấu xuất khẩu đến phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ vì nhập siêu bản chất là vấn đề cơ cấu kinh tế.

5.4. Nhóm giải pháp dành cho doanh nghiệp

Thứ nhất, đối với doanh nghiệp, tiếp nhận những mô hình kinh tế toàn cầu và liên kết sản xuất kinh doanh ngày càng sâu rộng, thúc đẩy quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công bố trí lao động phù hợp, hình thành phân khúc sản xuất và xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu tùy theo thế mạnh của mỗi doanh nghiệp, các cụm liên kết, mỗi khu vực và quốc gia; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, coi đây là một nội dung trọng tâm của tái cấu trúc các ngành sản xuất công nghiệp. Khẩn trương hoàn chỉnh cơ chế, chính sách phát triển và tổ chức quản lý công nghiệp hỗ trợ, tạo nên mối quan hệ gắn kết giữa các doanh nghiệp chế tạo với doanh nghiệp lắp ráp, các doanh nghiệp trong nước với các nhà đầu tư nước ngoài trong việc lựa chọn và phát triển công nghiệp hỗ trợ theo nhóm

sản phẩm trên cơ sở thị trường có sự định hướng của Nhà nước, tập trung vào một số sản phẩm cơ khí, thiết bị điện, điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin, lắp ráp xe ô tô, dây chuyền sản xuất nhà máy giấy, gỗ, thủy hải sản...những ngành nghề truyền thống mà các doanh nghiệp trong nước có lợi thế.

Thứ hai, cải thiện khả năng tiếp



cận vốn của doanh nghiệp bằng cơ chế ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như tăng nguồn kinh phí bảo lãnh tín dụng và năng lực thẩm định dự án được bảo lãnh của ngân hàng; ưu tiên nguồn tín dụng cho các sản phẩm trọng điểm, phân bổ hạn mức tín dụng cho các khu vực doanh nghiệp, cụm liên kết DNNVV theo mức đóng góp vào GDP và kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ những doanh nghiệp có phương án kinh doanh khả thi và những doanh nghiệp có khả năng tiếp cận được với công nghệ hiện đại để giúp họ trang bị lại máy móc, cải tiến và áp dụng những công nghệ mới.

Thứ ba, trong quan hệ kinh tế khu vực, vị thế chiến lược trọng yếu của ASEAN hội nhập ngày

càng sâu rộng, tạo thuận lợi cho sự phát triển của các nước thành viên và khẳng định vai trò chủ đạo trong một cấu trúc khu vực đang định hình. Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi tiềm ẩn những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển kinh tế quốc gia, đặc biệt xem xét cụ thể sự bành trướng và thao túng xuyên suốt hàng hóa sản phẩm của Trung Quốc đối với nền kinh tế VN.

6. Kết luận

Thực tế cho thấy việc thực hiện các chính sách trên để giải quyết các nút thắt cổ chai trong nền kinh tế luôn mang lại những tín hiệu tốt cho dài hạn và không làm méo mó toàn bộ nền kinh tế vĩ mô biến động trong ngắn hạn. Do vậy, một khi nền kinh tế đã phục hồi trở lại, cần chuyển sang ưu tiên tập trung giải tỏa các “nút thắt” nhằm thực hiện các chính sách tiền tệ linh hoạt và chính sách tài khóa bình ổn có hiệu quả, đảm bảo tăng trưởng trước mắt cũng như lâu dài nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và ổn định nền kinh tế vĩ mô trong gian đoạn hiện nay●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tổng kết hoạt động ngành ngân hàng năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013.
- Diễn đàn kinh tế VN (VBF) năm 2012 với chủ đề “Khôi phục sự năng động của nền kinh tế”, ông Nguyễn Thế Phương, Thứ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư đã trình bày tóm tắt tình hình kinh tế xã hội 2012 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2013.